

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu chung về nhiệm vụ và gói thầu:

1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu

1.1. Giới thiệu về dự án

a. Tên dự án: Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng giá sản phẩm thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

b. Chủ đầu tư: Chi cục Quản lý đất đai tỉnh Gia Lai

c. Mục tiêu, yêu cầu:

*** Mục tiêu:**

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá sản phẩm thuộc lĩnh vực đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc: định giá đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá đất đai tỉnh Gia Lai.

- Các Định mức kinh tế - kỹ thuật được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm, dự toán kinh phí các nhiệm vụ về: xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất; thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; định giá đất; xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất; điều tra, đánh giá đất đai.

*** Yêu cầu:**

- Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá sản phẩm được thực hiện theo thời gian thực tế để hoàn thành các nội dung công việc trong lĩnh vực quản lý đất đai.

- Tính đúng, tính đủ các định mức lao động, định mức dụng cụ lao động, định mức tiêu hao vật liệu, định mức tiêu hao năng lượng, định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức sử dụng máy móc, thiết bị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

- Quy trình công nghệ, trang thiết bị được xây dựng đảm bảo yêu cầu về quy trình công nghệ, trang thiết bị đang được áp dụng phổ biến trong ngành và các địa phương.

- Các nội dung định mức được xây dựng phải đảm bảo ở mức tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

d. Kinh phí thực hiện: 1.644.014.372 VND.

e. Nguồn vốn: Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh.

1.2. Giới thiệu về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói số 01: Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu:

+ Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

+ Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về giá đất;

+ Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

+ Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra đánh giá đất đai;

- Giá gói thầu: 1.644.014.372 đồng

- Nguồn vốn: Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh.

- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 35 ngày.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV, năm 2025.

- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn nhà thầu đủ năng lực và trình độ để thực hiện gói thầu đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo quy định của Pháp luật.

II. Phạm vi công việc

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện

1.1. Phạm vi công việc

Được áp dụng đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh ở địa phương ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

1.2. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh.

1.3. Thời gian thực hiện: Năm 2025- 2026

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn

2.1. Nhiệm vụ và khối lượng công việc

- Nhiệm vụ xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

TT	Nội dung công việc
1	Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ
1.1	Thu thập các văn bản pháp quy về công tác xây dựng XDCL đất đai
1.2	Phân tích, đánh giá thông tin, số liệu, tài liệu đã thu thập phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
1.3	Phân loại theo hạng mục nhằm phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
1.4	Báo cáo đánh giá và đề xuất kiến nghị
2	Làm thử, làm mẫu theo trình tự, nội dung các bước công việc xây dựng CSDL đất đai
2.1	Làm thử, làm mẫu một số công việc về xây dựng CSDL địa chính
2.2	Làm thử, làm mẫu một số công việc về xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai
2.3	Làm thử, làm mẫu một số công việc về xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
2.4	Làm thử, làm mẫu một số công việc về xây dựng CSDL giá đất
2.5	Làm thử, làm mẫu một số công việc về xây dựng CSDL điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
2.6	Làm thử, làm mẫu một số công việc về Chính lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã
3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai
3.1	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL địa chính
3.1.1	<i>Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp đã thực hiện đăng ký, cấp giấy chứng nhận</i>
3.1.2	<i>Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chuyển đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính đã xây dựng trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 (ngày thông tư số 09/2024/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành)</i>
3.1.3	<i>Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với trường hợp thực hiện đồng bộ với lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận</i>
3.2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê đất đai
3.3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
3.4	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL giá đất
3.5	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
3.6	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã
4	Biên soạn tập định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL đất đai
4.1	Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL địa chính
4.2	Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL thống kê, kiểm kê
4.3	Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
4.4	Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL giá đất

TT	Nội dung công việc
4.5	Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng CSDL điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất
4.6	Định mức kinh tế - kỹ thuật chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã
5	Tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện tài liệu sau góp ý

- Nhiệm vụ: xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về giá đất

TT	Nội dung công việc
I	Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ
1	Thu thập các thông tin, tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất và định giá đất cụ thể (tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan tài nguyên môi trường cấp tỉnh)
2	Rà soát, tổng hợp các thông tin, tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật đã thu thập phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
II	Phân tích, đánh giá, lựa chọn thông tin, số liệu, tài liệu đã thu thập phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
III	Xác định nội dung các bước công việc; quy định kỹ thuật trong định mức kinh tế - kỹ thuật
IV	Làm thử, làm mẫu theo trình tự, nội dung các bước công việc trong định mức kinh tế - kỹ thuật
1	Làm thử, làm mẫu các bước công việc ngoại nghiệp (không được kế thừa, vận dụng) tại 01 đơn vị hành chính (có loại đô thị (I hoặc II), loại xã)
2	Làm thử, làm mẫu các bước công việc ngoại nghiệp (không được kế thừa, vận dụng) tại 01 đơn vị hành chính (có loại đô thị (loại V), loại xã)
3	Làm thử, làm mẫu các bước công việc ngoại nghiệp (không được kế thừa, vận dụng) tại 01 đơn vị hành chính cấp huyện (có loại đô thị (II, III, IV), loại xã)
4	Làm thử, làm mẫu một số công việc nội nghiệp (không được kế thừa, vận dụng) tại đơn vị (tổng hợp xử lý thông tin tài liệu nội nghiệp và ngoại nghiệp; lập các báo cáo phân tích đánh giá
4.1	Làm thử, làm mẫu một số công việc nội nghiệp về xây dựng bảng giá đất
-	Xây dựng bảng giá đất theo vị trí đất
4.2	Làm thử, làm mẫu một số công việc nội nghiệp về điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất
-	Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo vị trí đất
4.3	Làm thử, làm mẫu một số công việc nội nghiệp về định giá đất cụ thể theo các phương pháp so sánh, thu nhập và thặng dư
4.4	Làm thử, làm mẫu một số công việc nội nghiệp về định giá đất cụ thể theo các phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất
V	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
1	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng bảng giá đất, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất
1.1	Bảng giá đất theo vị trí đất

TT	Nội dung công việc
1.1.1	Rà soát các thông tư quy định kỹ thuật xá định dự toán lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất
-	Xác định những nội dung định mức cần xây dựng
-	Rà soát các bảng hệ số liên quan (số đơn vị hành chính, điểm điều tra, phiếu điều tra và loại đất)
1.1.2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng bảng giá đất
-	Định mức lao động
-	Định mức dụng cụ lao động
-	Định mức tiêu hao vật liệu
-	Định mức tiêu hao năng lượng
-	Định mức tiêu hao nhiên liệu
-	Định mức sử dụng máy móc, thiết bị
1.1.3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất
-	Định mức lao động
-	Định mức dụng cụ lao động
-	Định mức tiêu hao vật liệu
-	Định mức tiêu hao năng lượng
-	Định mức tiêu hao nhiên liệu
-	Định mức sử dụng máy móc, thiết bị
2	<i>Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể</i>
2.1	Rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất (Thông tư 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)
-	Xác định những nội dung định mức cần điều chỉnh, bổ sung
-	Xác định một số nội dung kế thừa từ định mức kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015) và định mức kinh tế - kỹ thuật khác
-	Rà soát các bảng hệ số liên quan (diện tích, mục đích sử dụng đất, hệ số sử dụng đất); bảng điều chỉnh hệ số theo quy mô diện tích và khu vực
2.2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể theo phương pháp so sánh, thu nhập và thặng dư
-	Định mức lao động
-	Định mức dụng cụ lao động
-	Định mức tiêu hao vật liệu
-	Định mức tiêu hao năng lượng
-	Định mức tiêu hao nhiên liệu
-	Định mức sử dụng máy móc, thiết bị
2.3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất
-	Định mức lao động
-	Định mức dụng cụ lao động

TT	Nội dung công việc
-	Định mức tiêu hao vật liệu
-	Định mức tiêu hao năng lượng
-	Định mức tiêu hao nhiên liệu
-	Định mức sử dụng máy móc, thiết bị
3	Tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện tài liệu sau góp ý
VI	Tính thử đơn giá theo định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất
1	<i>Tính thử đơn giá xây dựng bảng giá đất</i> Xây dựng bảng giá đất theo vị trí đất
2	<i>Tính thử đơn giá điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất</i> Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo vị trí đất
3	<i>Tính thử đơn giá định giá đất cụ thể theo các phương pháp so sánh, thu nhập và thặng dư</i>
4	<i>Tính thử đơn giá định giá đất cụ thể theo các phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất</i>
VII	Biên soạn định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất
1	Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng bảng giá đất <i>Xây dựng bảng giá đất theo vị trí đất</i>
2	Định mức kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất <i>Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo vị trí đất</i>
2.1	<i>Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo vị trí đất</i>
3	Định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể theo phương pháp so sánh, thu nhập và thặng dư
4	Định mức kinh tế - kỹ thuật định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất

- Nhiệm vụ: xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

TT	Nội dung công việc
1	Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ; Tổng hợp, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin, số liệu, tài liệu
1.1	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan đến xây dựng các nội dung xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
1.2	Phân tích, đánh giá thông tin, số liệu, tài liệu đã thu thập phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
1.3	Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ
1.4	Báo cáo đánh giá và đề xuất kiến nghị
2	Làm thử, làm mẫu theo trình tự, nội dung các bước công việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
2.1	Làm thử, làm mẫu các bước công việc ngoại nghiệp

TT	Nội dung công việc
2.2	Làm thử, làm mẫu theo trình tự, nội dung các bước công việc nội nghiệp của lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
2.2.1	<i>Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</i>
2.2.2	<i>Lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện</i>
2.2.3	<i>Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh</i>
3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
3.1	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
3.2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện;
3.3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh
4	Biên soạn tập định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất
4.1	Định mức kinh tế - kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
4.2	Định mức kinh tế - kỹ thuật về lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện
4.3	Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất an ninh
5	Tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện tài liệu sau hội thảo

- Nhiệm vụ: xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về điều tra đánh giá đất đai.

TT	Nội dung công việc
1	Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ; Phân tích, đánh giá, lựa chọn thông tin, số liệu, tài liệu đã thu thập phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai
1.1	Thu thập các thông tin, tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai
1.2	Rà soát, phân loại và thống kê các thông tin tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật đã thu thập được phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai
1.3	Phân tích, đánh giá thông tin, số liệu, tài liệu đã thu thập phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật
1.4	Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu; báo cáo đánh giá thông tin tư liệu có liên quan đến nhiệm vụ
2	Làm thử, làm mẫu một số nội dung trong các bước công việc điều tra, đánh giá đất đai
2.1	Làm thử, làm mẫu các bước công việc ngoại nghiệp
2.2	Làm thử, làm mẫu một số nội dung công việc nội nghiệp tại đơn vị
2.2.1	<i>Làm thử, làm mẫu một số nội dung công việc nội nghiệp về điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai</i>

TT	Nội dung công việc
2.2.2	<i>Làm thử, làm mẫu một số nội dung công việc nội nghiệp về điều tra, đánh giá thoái hoá đất</i>
2.2.3	<i>Làm thử, làm mẫu một số nội dung công việc nội nghiệp về điều tra, đánh giá ô nhiễm đất</i>
3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai
3.1	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai
3.2	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá thoái hoá đất
3.3	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá ô nhiễm đất
4	Biên soạn định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai
4.1	Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai
4.2	Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá thoái hoá đất
4.3	Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá ô nhiễm đất
5	Tổng hợp, chỉnh sửa và hoàn thiện tài liệu sau góp ý

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

Các chuyên gia bắt đầu thực hiện công việc tư vấn ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Yêu cầu về giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu

4.1. Quy định chung

4.1.1. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm

1). Công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu công trình, sản phẩm phải tiến hành thường xuyên và có hệ thống trong quá trình thực hiện trên cơ sở kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu được lập theo tiến độ thi công từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm.

2). Chủ đầu tư sử dụng đơn vị trực thuộc hoặc thuê đơn vị giám sát, kiểm tra có chức năng phù hợp (sau đây gọi chung là đơn vị giám sát, kiểm tra) thực hiện giám sát, kiểm tra công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư.

3). Các tổ chức, cá nhân thi công (sau đây gọi chung là đơn vị thi công) công trình, sản phẩm phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm trước khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu.

4). Trong thời gian thi công nếu có sự thay đổi về chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thì quá trình giám sát, kiểm tra phải xác định cụ thể khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện trước và sau thời điểm chế độ chính sách tiền lương, định mức kinh tế - kỹ thuật thay đổi.

4.1.2. Mục đích giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm

1). Bảo đảm cho công trình, sản phẩm thực hiện theo đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thi công, giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm.

2). Phát hiện những sai sót trong quá trình thi công để kịp thời khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình thi công nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm.

3). Đánh giá, xác nhận đúng chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) của hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đã hoàn thành.

4.1.3. Cơ sở pháp lý để giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm

1). Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền trong quá trình thi công.

2). Các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

4.1.4. Trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm

1). Trách nhiệm của cơ quan quyết định đầu tư.

a. Tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thực hiện thẩm định hồ sơ nghiệm thu đối với các công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai đã hoàn thành;

b. Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc đối với công nghệ chưa có quy định kỹ thuật; phát sinh do thay đổi chính sách; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp công nghệ dẫn đến làm tăng giá trị dự toán vượt quá giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng, mức khó khăn (nếu có) dẫn đến tổng giá trị vượt quá 05 phần trăm so với tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài thời gian thi công công trình so với thời gian thi công đã được phê duyệt. Đối với dự án do Chính phủ quyết định đầu tư thì thực hiện theo quy chế quản lý dự án riêng (nếu có);

c. Quyết định đình chỉ thi công, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm công trình đang thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc vi phạm các quy chuẩn, quy định

kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2). Trách nhiệm của chủ đầu tư.

a. Tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm được giao;

b. Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ trong quá trình thi công; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế - kỹ thuật khi thay đổi giải pháp công nghệ nhưng không làm tăng giá trị dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng, mức khó khăn (nếu có) nhưng không làm giá trị vượt quá 05 phần trăm so với tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt. Đối với dự án do Chính phủ quyết định đầu tư thì thực hiện theo quy chế quản lý dự án riêng (nếu có);

c. Báo cáo kịp thời với cơ quan quyết định đầu tư những vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình;

d. Quyết định đình chỉ thi công, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm công trình đang thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc vi phạm các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quyết định đầu tư;

đ. Lập báo cáo gửi cơ quan quyết định đầu tư về chất lượng, khối lượng, tiến độ các hạng mục công trình, sản phẩm đã hoàn thành khi kết thúc công trình.

3). Trách nhiệm của đơn vị thi công

a. Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu cấp đơn vị thi công và chịu trách nhiệm về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện mà không được cấp bỏ sung kinh phí;

b. Thực hiện thi công theo đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đúng các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan và các văn bản điều chỉnh của cấp có thẩm quyền (nếu có);

c. Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của cơ quan quyết định đầu tư và chủ đầu tư đối với chất lượng, khối lượng, tiến độ thực thi thiết kế kỹ thuật - dự toán được giao thực hiện;

d. Báo cáo về khối lượng, tiến độ đã thực hiện gửi chủ đầu tư trước ngày 25 hàng tháng;

đ. Báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư khi có sự thay đổi về giải pháp công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư.

4.1.5. Lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm

1). Sau khi được giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng kinh tế, đơn vị thi công phải lập kế hoạch thi công chi tiết gửi chủ đầu tư và tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch đã lập.

2). Trên cơ sở kế hoạch của đơn vị thi công, chủ đầu tư lập kế hoạch giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm phù hợp với tiến độ của thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc hợp đồng đã ký kết.

4.2. Giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm

4.2.1. Giám sát công trình, sản phẩm

1). Nội dung giám sát công trình, sản phẩm bao gồm:

- a. Giám sát nhân lực, máy móc, thiết bị sử dụng để thi công công trình;
- b. Giám sát sự phù hợp của quy trình công nghệ đơn vị thi công áp dụng so với thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc được chủ đầu tư cho phép;
- c. Giám sát tiến độ thi công công trình;
- d. Giám sát về khối lượng phát sinh trong quá trình thi công công trình (nếu có);
- đ. Giám sát quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm cấp đơn vị thi công.

2). Trong quá trình giám sát công trình, người trực tiếp giám sát phải tiến hành ghi Nhật ký giám sát công trình theo quy định.

4.2.2. Nội dung, phương pháp, mức kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm

1). Nội dung, mức kiểm tra của đơn vị thi công, chủ đầu tư phục vụ thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm được quy định chi tiết theo các quy định hiện hành.

Đối với các nội dung, hạng mục công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai không được quy định chi tiết theo các quy định hiện hành thì nội dung

kiểm tra được thực hiện theo chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Mức kiểm tra tối thiểu cấp đơn vị thi công đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 20% và nội nghiệp là 60%; mức kiểm tra tối thiểu cấp chủ đầu tư đối với sản phẩm ngoại nghiệp là 05% và nội nghiệp là 15%.

2). Phương pháp kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm:

a. Công tác kiểm tra công trình, sản phẩm phải được thực hiện từ tổng thể đến chi tiết và được thực hiện ở cấp đơn vị thi công và cấp chủ đầu tư.

b. Tùy thuộc vào từng hạng mục sản phẩm cụ thể, công tác kiểm tra được thực hiện ở trong phòng hay ở thực địa hoặc cả hai. Thực hiện việc đối soát thông tin trong từng sản phẩm và giữa các sản phẩm để kiểm tra sự đầy đủ, thống nhất thông tin của sản phẩm. Thực hiện lại một số nội dung công việc của đơn vị thi công đã thực hiện trong từng hạng mục của công trình, sản phẩm để so sánh, đối chiếu, đánh giá chất lượng sản phẩm so với các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, nội dung chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

c. Trong quá trình kiểm tra công trình, sản phẩm được phép sử dụng thiết bị, công nghệ và các nguồn tư liệu, dữ liệu khác để thực hiện đánh giá chất lượng công trình, sản phẩm.

d. Đối với các hạng mục công việc kiểm tra mang tính xác suất, phạm vi lấy mẫu kiểm tra phải được phân bố đều trong toàn bộ phạm vi thi công.

đ. Quan sát trực quan, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác để kiểm tra trực tiếp trên các sản phẩm giao nộp.

e. Đối với các chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ có thể thực hiện kiểm tra công trình, sản phẩm cuối cùng bằng phương pháp tổng hợp thì đơn vị giám sát, kiểm tra lập phương án kiểm tra trình chủ đầu tư phê duyệt.

3). Kết thúc quá trình kiểm tra phải tiến hành ghi nhận kết quả kiểm tra.

a. Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng Phiếu ghi ý kiến kiểm tra các hạng mục được lập theo quy định;

b. Trên cơ sở kết quả kiểm tra tại các Phiếu ghi ý kiến kiểm tra, tổng hợp đánh giá chất lượng, khối lượng của từng hạng mục và tiến hành lập Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm của từng hạng mục theo quy định.

4.2.3. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công

1. Đơn vị thi công sử dụng đơn vị trực thuộc, cán bộ chuyên môn kỹ thuật của mình tự kiểm tra chất lượng, khối lượng của tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện và lập hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Trước khi tiến hành kiểm tra, Đơn vị thi công phải thông báo về kế hoạch kiểm tra tới chủ đầu tư và đơn vị giám sát, kiểm tra công trình để giám sát quá trình kiểm tra theo quy định.

3. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công bao gồm:

a. Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công theo quy định;

b. Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công theo quy định;

c. Báo cáo đối với những vấn đề phát sinh, vướng mắc về công nghệ, về định mức kinh tế - kỹ thuật, về khối lượng và những vấn đề khác so với thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và văn bản chấp thuận những phát sinh, giải quyết vướng mắc của cấp có thẩm quyền trong thời gian thi công công trình (nếu có).

d. Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo quy định;

4. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công lập thành 03 bộ: 01 bộ gửi chủ đầu tư, 01 bộ gửi đơn vị giám sát, kiểm tra cấp chủ đầu tư và 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

4.2.4. Kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư

1. Sau khi nhận được hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công hợp lệ, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, chủ đầu tư hoặc đơn vị giám sát, kiểm tra tổ chức thực hiện kiểm tra theo các nội dung sau:

a) Kiểm tra tính đầy đủ, tính pháp lý, tính thống nhất, tính hợp lệ của hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công;

b) Phân tích, đánh giá nội dung báo cáo tổng kết kỹ thuật, báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm và các biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm, phiếu ghi ý kiến kiểm tra, số liệu, tài liệu kiểm tra cấp đơn vị thi công;

c) Kiểm tra, đánh giá quy cách sản phẩm so với các quy định kỹ thuật hiện hành;

d) Kiểm tra lại các sản phẩm đã được đơn vị thi công sửa chữa và lập văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm (nếu có);

đ) Xác định khối lượng của các hạng mục công trình sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục, sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng (nếu có);

e) Đánh giá, đề xuất xác định lại mức khó khăn các hạng mục công trình đã thi công phù hợp quy định hiện hành và thực tế sản xuất (nếu có);

g) Lập biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm theo quy định;

h) Lập báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm theo quy định;

2. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Báo cáo kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm của đơn vị thi công;

đ) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

e) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu có);

g) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư.

i) Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm kèm theo Phiếu ghi ý kiến kiểm tra cấp chủ đầu tư;

3. Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư lập thành 03 bộ: 02 bộ lưu giữ tại chủ đầu tư, 01 bộ lưu giữ tại đơn vị giám sát, kiểm tra.

4.2.5. Quyền và trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư

1). Quyền của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Yêu cầu đơn vị thi công thực hiện theo đúng chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Từ chối kiểm tra trong trường hợp đơn vị thi công chưa giao nộp đầy đủ các sản phẩm, hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công hoặc các sản phẩm còn tồn tại lỗi mang tính hệ thống;

c) Từ chối xác nhận các sản phẩm không đạt chất lượng hoặc các sản phẩm đã có ý kiến kiểm tra nhưng không được sửa chữa theo yêu cầu;

d) Báo cáo chủ đầu tư về các vi phạm và kiến nghị hình thức xử lý trong trường hợp đơn vị thi công vi phạm các quy định tại phần d, tiểu mục 2), mục 8.1.4 hoặc vi phạm tiến độ thực hiện do yếu tố chủ quan của đơn vị thi công;

đ) Đề xuất, kiến nghị chủ đầu tư chấp nhận hoặc thay đổi mức khó khăn so với thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

2). Trách nhiệm của đơn vị giám sát, kiểm tra

a) Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định tại tiểu mục 1) mục 8.2.1 và mục 1) mục 8.2.2;

b) Tổng hợp các ý kiến trong quá trình giám sát, kiểm tra và thông báo cho đơn vị thi công. Trường hợp không thống nhất được ý kiến giữa đơn vị giám sát, kiểm tra với đơn vị thi công thì phải báo cáo chủ đầu tư để giải quyết;

c) Phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thi công theo thẩm quyền. Báo cáo chủ đầu tư giải quyết những vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền và những vấn đề kỹ thuật phát sinh ngoài thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

d) Chịu trách nhiệm về chất lượng, khối lượng sản phẩm đã giám sát, kiểm tra và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành khi cố ý làm sai lệch kết quả giám sát, kiểm tra.

4.3. Thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình sản phẩm

4.3.1. Thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm

1). Căn cứ thẩm định

a) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp đơn vị thi công;

b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;

c) Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2). Nội dung và thời gian thẩm định

Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm. Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian thẩm định có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc. Nội dung thẩm định bao gồm:

- a) Thẩm định về việc tuân thủ nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các văn bản kỹ thuật liên quan khác;
- b) Thẩm định việc tuân thủ các quy định về công tác giám sát công trình, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;
- c) Thẩm định việc xử lý các phát sinh trong quá trình thi công của đơn vị thi công, đơn vị giám sát, kiểm tra, chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);
- d) Thẩm định việc xác nhận chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đã thực hiện. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn dựa trên một số mẫu sản phẩm;
- đ) Yêu cầu các đơn vị liên quan sửa chữa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ, sản phẩm khi sản phẩm chưa đạt yêu cầu, mức khó khăn chưa phù hợp và hồ sơ tài liệu còn sai sót (nếu có);
- e) Lập Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm theo quy định.

4.3.2. Nghiệm thu công trình, sản phẩm

1). Căn cứ nghiệm thu

- a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Hồ sơ kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;
- c) Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;
- d) Các sản phẩm đã hoàn thành và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2). Nội dung và thời gian nghiệm thu

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm, Chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành việc nghiệm thu hạng mục công trình hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm.

Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ có tính chất phức tạp, khối lượng sản phẩm lớn thì thời gian nghiệm thu có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc. Nội dung nghiệm thu bao gồm:

a) Nghiệm thu về chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) các hạng mục công việc đã hoàn thành đạt chất lượng, các hạng mục công việc phát sinh (tăng, giảm) so với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Lập Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm theo quy định;

c) Lập Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm đã thi công từng năm theo quy định đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ được thi công trong nhiều năm (nếu có);

3). Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;

b) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công;

c) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công;

d) Các báo cáo có liên quan đến khối lượng phát sinh, vướng mắc trong quá trình thi công và các văn bản xử lý của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư (nếu có);

đ) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu có);

e) Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư (nếu trong Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm không có thành phần đơn vị giám sát, kiểm tra tham gia);

g) Báo cáo giám sát, kiểm tra chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm cấp chủ đầu tư;

h) Báo cáo thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;

i) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm.

k) Biên bản giao nộp sản phẩm hoặc phiếu nhập kho đối với sản phẩm đã hoàn thành theo quy định mục 8.3.4;

l) Bảng tổng hợp khối lượng công trình, sản phẩm đã thi công từng năm (nếu có).

4). Hồ sơ nghiệm thu lập thành 05 bộ: 01 bộ lưu cơ quan quyết định đầu tư, 02 bộ lưu tại chủ đầu tư, 01 bộ giao nộp kèm theo sản phẩm tại cơ quan lưu trữ, 01 bộ lưu tại đơn vị thi công.

4.3.3. Thẩm định Hồ sơ nghiệm thu

1). Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm hợp lệ của chủ đầu tư, cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan được cơ quan quyết định đầu tư ủy quyền có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định hồ sơ nghiệm thu trên cơ sở kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, chính xác của hồ sơ nghiệm thu và lập Bản xác nhận khối lượng, chất lượng công trình, sản phẩm đã hoàn thành theo quy định.

2). Đối với chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ mà cơ quan quyết định đầu tư cần kiểm tra, thẩm định lại chất lượng, khối lượng, mức khó khăn (nếu có) của công trình, sản phẩm thì phải thực hiện lập và thông báo kế hoạch, kiểm tra, thẩm định cho chủ đầu tư và thực hiện đúng theo kế hoạch đã thông báo. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi kết thúc công tác kiểm tra, thẩm định lại các bên có liên quan phải lập biên bản kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm. Biên bản này được lưu trong hồ sơ nghiệm thu.

4.3.4. Giao nộp sản phẩm và hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm

1). Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đã được nghiệm thu xác nhận chất lượng, khối lượng và được nêu cụ thể trong chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ, hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ thi công.

2). Sau khi có biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm, đơn vị thi công trực tiếp thực hiện việc giao nộp sản phẩm tại nơi lưu trữ do cơ quan quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư quy định.

3). Sau khi có bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đã hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán công trình sản phẩm. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Văn bản đề nghị quyết toán công trình, sản phẩm lập theo quy định;
- b) Quyết định phê duyệt chương trình, đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ cho đơn vị thi công;

- d) Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;
- đ) Bản xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm;
- e) Biên bản giao nộp sản phẩm hoặc phiếu nhập kho đối với sản phẩm;
- g) Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán công trình, sản phẩm đã thi công từng năm theo quy định đối với các công trình được thi công trong nhiều năm.

4). Hồ sơ quyết toán được lập thành 05 bộ: 03 bộ gửi cho chủ đầu tư, 01 bộ gửi cho cơ quan quyết định đầu tư, 01 bộ gửi cho đơn vị thi công.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Báo cáo

- Báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng theo yêu cầu của Chủ đầu tư về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện.

- Báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư những thay đổi (nếu có) về giải pháp kỹ thuật công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có trả lời bằng văn bản của chủ đầu tư.

2. Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng, năng lực về nhân sự và các thông tin khác để chứng minh đáp ứng được yêu cầu tại Mục 2, Chương III của E-HSMT.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các bên liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Thực hiện trách nhiệm chủ đầu tư triển khai thực hiện Thiết kế kỹ thuật-Dự toán đảm bảo đúng quy định; hướng dẫn, quản lý, khai thác sử dụng, bảo quản kết quả tài liệu sản phẩm từ Thiết kế kỹ thuật - dự toán.

- Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan như Sở Tài chính lập kế hoạch về nguồn vốn, cân đối vốn địa phương để đáp ứng yêu cầu về vốn cho công tác đo đạc hoàn thiện bản đồ địa chính, đăng ký đất đai cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- Cung cấp các tài liệu liên quan, thường xuyên giám sát theo dõi, kiểm tra đôn đốc các đơn vị tham gia thực hiện. Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, giải quyết tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, khối lượng hạng mục, sản phẩm của dự án. Có thể thành lập hội đồng tư vấn, tổ kỹ thuật,... để tổ chức thực hiện

các công việc của chủ đầu tư. Tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng, khối lượng sản phẩm cấp chủ đầu tư; Kiểm tra, giám sát các đơn vị thi công thực hiện nhiệm vụ theo đúng kế hoạch, đúng quy trình quy phạm, tổ chức nghiệm thu, giao nộp sản phẩm theo quy định.

- Đưa ra quyết định giải quyết những thay đổi, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong chuyên môn, bổ sung, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền theo quy định, tham mưu trình UBND tỉnh các trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Nhà thầu

- Chịu trách nhiệm về tiến độ thi công, chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đảm bảo chất lượng, khối lượng theo yêu cầu thì phải tiếp tục hoàn thiện mà không được cấp bổ sung kinh phí.

- Báo cáo kịp thời bằng văn bản với chủ đầu tư những thay đổi (nếu có) về giải pháp kỹ thuật công nghệ, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với Thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có trả lời bằng văn bản của chủ đầu tư.